

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **10/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/01/2024

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang và bà Nguyễn Thị Tạc.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Bà Nguyễn Thị thủy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 899/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Mai Thanh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày như sau:**

Bà Hoàng Thị N (nguyên đơn) và ông Mai Thanh T (bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 15/8/2007 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn tại chính quyền địa phương xong vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng gia đình chồng, đến năm 2017 mua nhà và chuyển đến sinh sống tại phường T cho đến nay.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn nên có

lần nguyên đơn nộp đơn ly hôn tại Tòa án, sau khi được hòa giải bà đã rút đơn về để vợ chồng tiếp tục chung sống nuôi dạy con cái, nhưng bị đơn không thay đổi mà vẫn duy trì lối sống cũ, nợ nần không chăm lo cho gia đình, nuôi dạy con cái. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Hoàng Thảo M, sinh ngày 14/12/2008 và Mai Hoàng Yến V, sinh ngày 14/9/2012, hiện nay các con đang ở chung với nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên vọng của nguyên đơn xin được nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Về thu nhập: Nguyên đơn mở cửa hàng bán quần áo tại chợ B, mỗi tháng thu nhập từ 12 triệu đến 14.000.000đồng nên đủ khả năng nuôi dưỡng các cháu không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày như sau:**

- Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày là không đúng, vì năm 2018 sau khi Tòa án hòa giải chúng tôi chung sống hạnh phúc; tuy thời gian vừa qua bị đơn không đi làm nhưng vẫn ở nhà chăm sóc gia đình, đưa đón con đi học để nguyên đơn tập trung đi bán hàng; Còn về việc nguyên đơn cho rằng bị đơn chơi bời dẫn đến nợ nần là không đúng mà số nợ là do bị đơn mượn tiền về để mua máy móc phục vụ việc hàn xì sắt tạo thu nhập và không yêu cầu nguyên đơn chịu trách nhiệm.

Vì vậy bị đơn đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Hoàng Thảo M, sinh ngày 14/12/2008 và Mai Hoàng Yến V, sinh ngày 14/9/2012. Nếu nguyên đơn cương quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì bị đơn có nguyên vọng nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng.

Về thu nhập: Bị đơn làm nghề hàn xì và thợ xây, mỗi tháng thu nhập 12.000.000đồng nên đủ khả năng nuôi các cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Giao Cháu Mai Hoàng Thảo M và Mai Hoàng Yến V1 cho cho bà Hoàng Thị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2007 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bị đơn không lo làm ăn nợ nần nên năm 2018 nguyên đơn có làm đơn ly hôn nhưng sau khi được Tòa án hòa giải nguyên đơn đã rút đơn về tiếp tục duy trì cuộc sống nhân nhưng bị đơn không thay đổi. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống hòa hợp với nhau được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn. Bị đơn cho rằng vợ chồng đôi lúc có mâu thuẫn nhưng đã hòa giải đoàn tụ, bản thân bị đơn đã hoàn thành trách nhiệm của người chồng trong gia đình và yêu thương vợ con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

HĐXX nhận thấy bị đơn cho rằng vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nhưng

không tự hoà giải cũng như thể hiện thiện chí đoàn tụ mà vẫn duy trì sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, vì vậy xét thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Hoàng Thảo M, sinh ngày 14/12/2008 và Mai Hoàng Yến V, sinh ngày 14/9/2012, hiện nay các con đang ở chung với nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình tổ tụng nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, cháu M và cháu V đều có nguyện vọng ở với nguyên đơn. HĐXX xét thấy, về thu nhập thực tế cả nguyên đơn và bị đơn đều có mức thu nhập và kinh tế như nhau, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chưa thành niên nên cần giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng cháu M và bị đơn nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Hoàng Thị N được ly hôn với bị đơn ông Mai Thanh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Hoàng Thảo M, sinh ngày 14/12/2008 và Mai Hoàng Yến V, sinh ngày 14/9/2012.

Giao Cháu Mai Hoàng Thảo M cho bà Hoàng Thị N, giao cháu Mai Hoàng Yến V cho ông Mai Thanh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Hoàng Thị

N và ông Mai Thanh T đều được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí (do Lê Trọng C nộp thay) theo biên lai thu tiền số: AA/2023/0004162 ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND phường Thành Công;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH

